TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 916/2019/DS-PT
Ngày: 17/10/2019
V/v Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Tường

Bà Phan Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hà Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 189/2019/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị ông Nguyễn Văn D là bị đơn kháng cáo và bị Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1421/2019/QĐXXPT-DS ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1937

Địa chỉ: Thôn CN, xã TT, huyện TH, tỉnh HD.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số công chứng 1478 ngày 29/11/2013 và Giấy ủy quyền số công chứng 151 ngày 29/11/2015 tại Văn phòng công chứng Thành Đô) (có mặt).

Địa chỉ: 241H phố CD, phường TP, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Chu Thanh N thuộc Văn phòng luật sư Chu Văn Chiến – Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hải Kim L, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: 19B CBN (lầu 1), Phường NCT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 008512 ngày 20/6/2019 tại Văn phòng công chứng Trần Quốc Phòng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Trình – Công ty Luật TNHH Đông Phương Luật – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Địa chỉ: 19B CBN (lầu 1), Phường NCT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1981

Địa chỉ: 25/35/4 Cửu Long, Phường 2, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị T2: Ông Nguyễn Văn D là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 00466 ngày 10/01/2012 tại Phòng công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

3.2. Phòng Công chứng số 4 – Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 25/5 HV, Phường B, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Mạnh C- Trưởng Phòng công chứng số 4 (xin vắng mặt).

3.3. Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

Địa chỉ: 9-11 TĐT, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Hoàng Thị Như L2(có mặt)

Địa chỉ 9/7 TL49, phường TL, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 106/2019/UQ-TCB ngày 9/10/2019).

3.4. Ngân hàng TMCP SCB.

Địa chỉ: 266-268 NKKN, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: bà Nguyễn Lê Quốc Hà, sinh năm 1984 (Theo Giấy ủy quyền số 660/2019/GUQ-CNTB ngày 25/9/2019 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 15B đường số BM, Phường MB, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5 Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 387A TC, Phường MB, Quận TB, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Văn T3, sinh năm 1974

Địa chỉ: Trung tâm hành chính quận Tân Bình 387A TC, Phường MB, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Lê Xuân A, sinh năm 1948

Địa chỉ: Xóm TM, thôn CN, xã TT, huyện TH, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

4.2. Bà Lê Thị V, sinh năm 1947

Địa chỉ: Xóm C, thôn CN, xã TT, huyện TH, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

4.3. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1946

Địa chỉ: Xóm QT, thôn CT, xã TT, huyện TH, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

5. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn D là bị đơn.
6. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Xuân S (chết ngày 27/9/2008) là con nuôi của bà và ông Nguyễn Xuân Đ (ông Đ chết ngày 26/12/2006), do ông S không có vợ con, khi chết không để lại di chúc nên bà M là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất và duy nhất của ông Nguyễn Xuân S nên được hưởng tài sản của ông S theo quy định của pháp luật. Do tại thời điểm ông S bệnh và chết vào ngày 27/9/2008, bà M không vào được nên đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D làm các thủ tục về chế độ, chính sách cũng như tiếp nhận quản lý tài sản của ông S trong đó có căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB và thực tế ông D đã thực hiện đúng như sự ủy quyền. Tuy nhiên, khi bà M yêu cầu ông D giao căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB để bà M làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế thì ông D không đồng ý. Xét thấy việc ông D không trả là chiếm giữ trái phép nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét:

- Công nhận bà Nguyễn Thị M là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thứ kế thứ nhất và duy nhất của ông Nguyễn Xuân S.

- Hủy việc khai nhận di sản thừa kế của ông D về việc hưởng các di sản của ông S.

- Hủy việc đăng bộ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của ông D đối với căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB.

- Buộc ông D và các cá nhân, tổ chức đang giữ tài sản của ông S giao lại cho bà M theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T2 trình bày: Ông là cháu kêu ông Nguyễn Xuân S bằng cậu, trước đây ông S thuê căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh để ở và đến năm 1995, ông về sống cùng ông S tại căn nhà này. Đến năm 2003 ông S đứng ra mua lại căn nhà này, ông đóng góp 29 lượng vàng. Năm 2007 ông S xây lại căn nhà này như hiện trạng hiện nay. Năm 2008 ông S chết. Sau khi ông S chết ông vẫn cư trú tại căn nhà này là vì ông S có lập di chúc chỉ định ông là người được hưởng thừa kế tài sản của ông S sau khi ông qua đời, cụ thể là để lại căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh và các tài

sản khác mang tên ông S (di chúc ngày 25/11/2007). Căn cứ vào nội dung di chúc, ông đã đến Phòng công chứng số 4 lập văn bản khai nhận di sản thừa kế, đồng thời ngày 10/10/2012 ông đã đăng ký biến động thay đổi về chủ sở hữu đối với căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB. Vì vậy việc bà M khởi kiện là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Ngày 18/6/2012 ông D là người được hưởng di sản có đến Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh nộp hồ sơ yêu cầu công chứng Văn bản khai nhận di sản thừa kế theo di chúc của ông Nguyễn Xuân S. Căn cứ các Điều 652, 653, 654, 656 thì công chứng viên cho rằng đây là di chúc hợp pháp nên đã nhận hồ sơ và tiến hành các thủ tục khai nhận di sản thừa kế. Công chứng viên đã tiến hành chứng nhận văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật nên không có ý kiến đối với việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy văn bản công chứng số 029546, Quyển số 7, ngày 27/7/2012.

2. Người đại diện Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu hồ sơ lưu đăng ký biến động căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB có nguồn gốc của ông Nguyễn Bá T4 và bà Lê Thị H được Ủy ban nhân dân cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1069/2002 ngày 16/6/2002. Ngày 15/7/2012 Ủy ban nhân dân quận Tân Bình đã cập nhật đăng ký biến động thay đổi chủ sở hữu cho ông Nguyễn Xuân S trên trang 3 của Giấy chứng nhận (theo hợp đồng số 013030/HĐ-MBN ngày 02/7/2002).

Ngày 09/10/2012 ông D nộp hồ sơ đăng ký biến động nhà đất kèm theo văn bản khai nhận di sản thừa kế số 029546 ngày 27/7/2012 tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh và tờ khai lệ phí trước bạ ngày 09/8/2012.

Căn cứ Điều 19 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/11/2009 của Bộ Tài nguyên - Môi trường; Điều 4 Thông tư số 20/2010/TT-BTNMT ngày 22/10/2012 của Bộ Tài nguyên - Môi trường và theo đơn yêu cầu của chủ sở hữu nhà ở và chủ sử dụng đất ở. Từ những cơ sở đó Phòng Tài nguyên - Môi trường tiến hành cập nhật tên trên trang 3 cho ông Nguyễn Văn D là đúng trình tự thủ pháp luật quy định nên việc nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ hồ sơ đăng ký biến động số 3677/2012 đối với căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB đối với căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

3. Ngân hàng TMCP TCB trình bày:

Ngày 06/6/2008 khách hàng Nguyễn Xuân S có gửi sổ tiết kiệm số AA653612, số tiền 6000 USD, kỳ hạn 06 tháng, ngày đáo hạn trên số 06/12/2008.

Ngày 18/10/2012 người cháu Nguyễn Văn D có đến ngân hàng trình đầy đủ giấy tờ liên quan (giấy báo tử, chứng minh thư, bản di chúc (gốc), sổ hộ khẩu) và có yêu cầu được rút tiền trên sổ tiết kiệm như trên di chúc đã để lại.

Ngày 19/12/2012 ngân hàng đã yêu cầu khách hàng làm thủ tục thông báo mất sổ tiết kiệm theo quy định của TCB.

Ngày 29/10/2012 sau 10 ngày thông báo mất sổ, khách hàng Nguyễn Văn D rút tiền sổ tiết kiệm nêu trên, tổng số tiền rút cả gốc và lãi là 6.960,94USD.

4. Ngân hàng TMCP SCB trình bày:

Ngày 24/4/2008 khách hàng Nguyễn Xuân S (đã chết) có gửi 200 chỉ vàng SJC theo chứng chỉ huy động vàng số 187582 tại SCB Tân Bình. Đến ngày 25/6/2008 khách hàng Nguyễn Xuân S tiếp tục gửi 100 chỉ vàng SJC theo chứng chỉ huy động số 202942 tại SCB Tân Bình. Tính đến ngày 25/3/2014 tổng giá trị của tài khoản giữ hộ vàng tại ngân hàng là 319 chỉ vàng SJC.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2015/DSST ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận các yêu cầu sau đây của nguyên đơn:

- Công nhận bà Nguyễn Thị M là người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Xuân S.

- Hủy văn bản khai nhận di sản đối với tài sản là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 029546, quyển số 7 ngày 27/7/2012.

- Hủy hồ sơ đăng ký biến động số 3677/2012 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện ngày 16/10/2012 đối với tài sản là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện, trả lại đơn đối với các yêu cầu sau đây của nguyên đơn do nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện:

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn D trả lại căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Yêu cầu Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trả lại số tiền 6.000 USD ông Nguyễn Xuân S gửi tại ngân hàng.

- Yêu cầu Ngân hàng TMCP SCB trả lại 300 chỉ vàng ông Nguyễn Xuân S gửi tại ngân hàng.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 15/2013/QĐ-BPKCTT ngày 03/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 1463/2015/DSPT ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 27/2015/DSST ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, lý do:

- Căn cứ vào giấy ủy quyền ngày 23/10/2012 về việc bà M ủy quyền cho ông K không có nội dung ủy quyền cho ông K làm đơn khởi kiện bổ sung, nhưng án sơ thẩm chấp nhận là chưa đúng theo quy định.

- Án sơ thẩm công nhận bà Nguyễn Thị M là người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Xuân S, nhưng đã nhận định cho rằng sau khi ông S chết, bà M chưa làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo pháp luật, do đó tại thời điểm khởi kiện và tại cấp sơ thẩm, bà M chưa đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh và số tài sản gồm tiền 6.000 USD và 300 chỉ vàng được ông S gửi tại ngân hàng là thuộc sở hữu của bà M nên việc bà M khởi kiện yêu cầu ông D giao lại nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh và số tài sản gồm 6000 USD và 300 chỉ vàng ông S gửi tại ngân hàng là thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện, do đó đã đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện, trả lại đơn cho bà M là chưa đúng quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án số 26/2016/TLST - DS ngày 25/01/2016 theo thủ tục sơ thẩm. Sau khi thụ lý, Tòa án đã triệu tập các đương sự theo quy định.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M tại đơn đề nghị thụ lý lại vụ án và khởi kiện bổ sung (Bút lục số 915) và các bản tự khai yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Công nhận tôi Nguyễn Thị M là người thừa kế hợp pháp duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Nguyễn Xuân S, tức là công nhận tôi là mẹ nuôi thực tế của anh S, vì anh S chưa có vợ con và chồng tôi (ông Đ) đã chết nên tôi là người thừa kế duy nhất.

- Hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn D về việc hưởng các di sản của ông Nguyễn Xuân S để lại.

- Tuyên hủy việc đăng bộ đứng tên Nguyễn Văn D trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Buộc Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trả lại số tiền 6.000 USD mà anh Nguyễn Xuân S đã gửi tiết kiệm thể hiện tại sổ tiết kiệm số AA653612 ngày 06/8/2008 và tiền lãi tính từ ngày gửi cho đến ngày xét xử sơ thẩm cho tôi.

Căn cứ để đề nghị Tòa án tuyên hủy đối với hai nội dung này vì bà M xác định bà là người thừa kế hợp pháp duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Nguyễn Xuân S mới được hưởng di sản.

Buộc ông D bà T2 phải trả cho bà M quyền sử dụng diện tích 95,1m^2 đất tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 2 (sơ đồ nền) số thửa mới 9, tờ bản đồ số 33 và

quyền sở hữu toàn bộ căn nhà nằm trên diện tích đất nêu trên tại địa chỉ số 25/35/4 đường CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xác lập quyền sở hữu theo pháp luật về thừa kế cho tôi đối với số vàng là 300 chỉ vàng mà anh Nguyễn Xuân S đã gửi tại SCB theo Chứng thư huy động vàng số 187582 ngày 24/4/2008 và số 202942 ngày 25/6/2008 và trả số vàng này cho tôi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T2 trong đơn ngày 24/7/2017 trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, vì:

- Nếu là cha mẹ đẻ, ruột thì phải xuất trình giấy khai sinh của ông Nguyễn Xuân S là con đẻ của bà M như bản khai nhận của ông Nguyễn Xuân S theo học bạ, lý lịch quân nhân và lý lịch học viên trường hàng không. Nếu là con nuôi ông yêu cầu bà M xuất trình giấy chứng nhận nuôi con nuôi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Yêu cầu Tòa án công nhận bản di chúc của ông S lập ngày 25/11/2007 là hợp pháp, có tồn tại và có thật, công nhận cho ông là người thừa kế theo di chúc vì đây là ý chí đích thực của ông S để lại cho ông là người thừa kế hợp pháp theo di chúc

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam tại tờ tường trình ngày 13/7/2016 trình bày: vẫn giữ nguyên nội dung như đã trình bày ở trên.

- Ngân hàng TMCP SCB tại văn bản số 594/2016/TB-CNTB ngày 03/3/2016 trình bày:

Đối với tài sản 319 chỉ vàng SJC hiện đang là tài khoản giữ hộ vàng của ông Nguyễn Xuân S; SCB hoàn trả tài sản lại cho các bên sau khi có quyết định chính thức và có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền, bên nhận được tài sản phải chịu mọi chi phát sinh liên quan (nếu có).

- Phòng Công chứng số 4 - Thành phố Hồ Chí Minh do ông Đỗ Quốc D2 là đại diện theo ủy quyền trình bày: Đối với trường hợp khai nhận di sản thừa kế theo di chúc theo Văn bản khai nhận di sản thừa kế số công chứng 29546 ngày 27/7/2012 do Công chứng viên Phòng Công chứng số 4 chứng nhận, chúng tôi đã có văn bản gửi cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình và được Tòa án ghi nhận trong bản án số 27/2015/DSST ngày 28/01/2015. Bằng văn bản này, chúng tôi xác nhận vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày của mình và không có ý kiến gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Phạm Phú D3 là đại diện theo ủy quyền trình bày: Vẫn giữ nguyên nội dung các lời khai đã trình bày trước đây và xác định, việc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Tân Bình cập nhật đổi tên chủ sở hữu căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Người làm chứng:

- Bà Lê Thị Y và bà Lê Thị V: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, bà Y và bà V cùng trình bày: Sau khi mẹ đẻ tôi là bà Nguyễn Thị M (chết năm 1963) khi đó ông S mới được 48 ngày tuổi, bà ngoại tôi là Nguyễn Thị Đ và 03 chị em tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng ông S cho đến khi ông S đi bộ đội. Ông Đ là chú rể (chồng bà M) là xã đội phó, muốn cho anh S đi bộ đội nên đã khai ông S là con để làm hồ sơ cho ông S đi bộ đội. Gia đình chúng tôi không biết, sau này điều tra lý lịch đảng lúc đó chúng tôi mới biết ông S khai như vậy. Chúng tôi không chấp nhận việc bà M khởi kiện ông D.

- Ông Lê Xuân A tại biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trình bày: Sau khi mẹ đẻ tôi là bà Nguyễn Thị Muội (chết năm 1963) khi đó ông S mới được 48 ngày tuổi, bà ngoại tôi là Nguyễn Thị Đi và 03 chị em tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng ông S. Lúc đó chị em chúng tôi sống cùng bà ngoại tại xã Tiền Tiến, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Tôi, bà Yên, bà Vui đã lớn và tham gia lao động. Chúng tôi nuôi ông S đến năm 1979 thì ông S đi bộ đội và làm tại sân bay Nội Bài và khoảng năm 1993 ông S chuyển vào công tác tại miền nam và vẫn làm trong ngành hàng không.Về nội dung nuôi ông S, tôi khai như trên và không có tài liệu, chứng cứ nào để giao nộp cho Tòa án.

Bà M là dì ruột của tôi, ông Đ là chồng của bà M. Năm 1979 ông Đ làm cán bộ xã Tiền Tiến, huyện Thanh Hà. Năm 1979 ông S làm hồ sơ đi bộ đội, tôi không biết lý do vì sao ông S lại mang lý lịch cha là ông Đ và mẹ là bà M như vậy. Việc bà M khởi kiện là phi lý, bà M không có quyền khởi kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 189/2019/DS-ST ngày 28/5/2019, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trả lại 6.960,94 USD là tài sản của ông Nguyễn Xuân S.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M

- Xác định nguyên đơn bà Nguyễn Thị M là mẹ nuôi của ông Nguyễn Xuân S và là người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Xuân S.

- Hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với nhà đất số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 029546, Quyển số 7 ngày 27/7/2012.

- Hủy hồ sơ đăng ký biến động số 3677/2012 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật ngày 16/10/2012 tại mục III của Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 1069/2002 ngày 16/5/2002.

- Buộc ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm giao trả căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị M ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành.

- Buộc Ngân hàng TMCP SCB có trách nhiệm trả lại 319 chỉ vàng SJC (Ba trăm mười chín chỉ vàng) là tài khoản giữ hộ vàng của ông Nguyễn Xuân Stheo chứng chỉ huy động vàng số 187582 và chứng chỉ huy động vàng số 202942 tại SCB Tân Bình cho bà Nguyễn Thị M ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 01544 ngày 04/01/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000 đ (Ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 07124 ngày 23/8/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.409.185đ (Hai mươi bốn triệu bốn trăm lẻ chín ngàn một trăm tám mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 05022 ngày 24/6/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí sơ thẩm là 200.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/6/2019 Bị đơn ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo không chấp nhận toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 189/2019/DSST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình vì không xem xét đánh giá toàn diện tình tiết vụ án và các tài liệu chứng cứ do ông D cung cấp cụ thể là không triệu tập những người làm chứng biết rõ tình tiết sự việc là những người trực tiếp và ký tên xác nhận trên di chúc của ông Nguyễn Xuân S nên đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D.

Ngày 26/6/2019 Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định kháng nghị số 32/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 189/2019/DSST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình với các lý do và đề nghị sau:

Bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa xác định bà là người thừa kế duy nhất của ông Nguyễn Xuân S; yêu cầu xác lập quyền sở hữu theo pháp luật về thừa kế đối với tài sản 319 chỉ vàng SJC mà ông S gửi tại Ngân hàng TMCP SCB nhưng bản án không tuyên về nội dung này là chưa giải quyết hết yêu cầu của đương sự.

Bản án không tuyên bà M được hưởng thừa kế đối với các di sản do ông S để lại nhưng lại tuyên buộc ông D phải có trách nhiệm giao trả nhà của ông S cho bà M và buộc Ngân hàng TMCP SCB trả 319 chỉ vàng SJC giữ hộ của ông Nguyễn Xuân Scho bà M là chưa có cơ sở.

Bản án tuyên giao tài sản cho bà M như đã nêu trên có thể hiểu Bà M được hưởng thừa kế đối với các tài sản do ông Nguyễn Xuân Sđể lại nhưng không tuyên buộc bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được hưởng thừa kế; Bà M khởi kiện với nhiều yêu cầu, án sơ thẩm giải quyết chấp nhận các yêu cầu của bà M nhưng chỉ buộc ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí sơ thẩm 200.000 đồng là chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 2 và khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 189/2019/DSST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình và đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng phân tích ở trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía người đại diện của nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên theo ý chí nguyện vọng của bà M cho rằng ông D cũng là con cháu trong nhà, sau khi ông S chết bà đã giao cho ông D trông nom quản lý căn nhà trên là tài sản của ông S, mặc dù ông D không yêu cầu đòi tiền công sức quản lý nhưng bà M vẫn tự nguyện chi trả cho ông D 400.000.000 đồng tiền công sức bảo quản căn nhà nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông D xác định trong quá trình giải quyết vụ án ông D không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn vì ông xác định ông là người thừa kế theo di chúc là đúng vì bản di chúc này là hợp pháp. Nên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm. Đối với việc bà M tự nguyện trích trả công sức bảo quản di sản nêu trên ông không có ý kiến và không yêu cầu gì về công sức bảo quản căn nhà là di sản của ông S.

Phía luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa cấp sơ thẩm nhận định bản di chúc không hợp pháp là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Không triệu tập những người làm chứng đến để làm rõ bản di chúc là có thật và là ý chí tự nguyện của ông S, không có căn cứ xác định bà M là mẹ nuôi của ông S mà Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không rút quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không căn cứ do đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông D.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 BLTTDS năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bổ sung các vấn đề Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị bao gồm: Xác định bà M là người thừa kế duy nhất của ông Nguyễn Xuân S, bà M được hưởng thừa kế đối với tài sản do ông S để lại gồm nhà đất tại số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh và 319 chỉ vàng SJC do ông S gửi tại Ngân hàng TMCP SCB; Buộc ông D và những người đang cư trú tại nhà tranh chấp phải bàn giao nhà cho bà M; Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc trả công sức giữ gìn bảo quản di sản cho ông D là 400.000.000đ.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.000 đồng.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Toà án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa phúc thẩm hợp lệ nhưng phía những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T2, Phòng Công chứng số 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP SCB, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin vắng mặt và phía những người làm chứng là ông Lê Xuân A, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị V đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung:

[2] Đối với kháng cáo của ông D và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D.

Xét, việc ông D cho rằng Tòa sơ thẩm không xem xét đánh giá toàn diện tình tiết vụ án và các tài liệu chứng cứ do ông D cung cấp cụ thể là không triệu tập những người làm chứng biết rõ tình tiết sự việc là những người trực tiếp và ký tên xác nhận trên di chúc của ông Nguyễn Xuân S nên đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D là không có căn cứ vì:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó".

Thấy, trong quá trình từ khi ông D đưa ra tài liệu là Bản di chúc lập ngày 25/11/2007 (Bản phô tô), Tòa án đã có quyết định yêu cầu ông D cung cấp bản chính "Bản di chúc" nhưng ông D không cung cấp được vì lý do đã bị thất lạc. Nguyên đơn có đơn xin giám định chữ ký của ông S vì cho rằng chữ ký không phải của ông S, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 1199/KLGĐ-TT ngày 29/10/2003 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: "*Chữ ký tên Nguyễn Xuân Scần giám định dưới mục "người lập di chúc" là chữ ký photocopy nên không giám định*".

Tòa án sơ thẩm đã tiến hành xác minh địa chỉ những người làm chứng do ông D cung cấp nhưng những người làm chứng đều không còn cư trú tại địa chỉ do ông D cung cấp, cho đến nay ông D cũng không cung cấp địa chỉ của họ cho Tòa. Do Bản di chúc ông D nộp là bản phô tô nên không có giá trị để được coi là chứng cứ và Tòa cấp sơ thẩm nhận định bản di chúc này không hợp lệ là có căn cứ. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm không triệu tập những người làm chứng là ông Đồng Ngọc S1 và bà Phạm Thị T4 đã ký tên trong bản di chúc phô tô nêu trên là đúng.

Từ những lý lẽ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông D.

[3] Xét, Quyết định kháng nghị số 32/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 189/2019/DSST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình với các lý do nêu trên.

Thấy, trong phần nội dung của Bản án sơ thẩm đã thể hiện rất rõ các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M trong đó có yêu cầu Tòa xác định bà M là người thừa kế theo pháp luật duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông

Nguyễn Xuân S; Tại trang 4 Bản tự khai ngày 10/3/2016 (BL940) Bà M đã khai *“ ...Tôi đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình giải quyết xác định tôi là mẹ nuôi thực tế của Nguyễn Xuân S và là người duy nhất được hưởng toàn bộ di sản của Nguyễn Xuân S để lại, buộc Nguyễn Văn D phải trả lại cho tôi toàn bộ tài sản mà ông D đang chiếm giữ trái phép…Về số vàng 319 chỉ vàng SJC tại Ngân hàng TMCP SCB.... Tôi đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình xác lập quyền thừa kế duy nhất của tôi đối với số vàng này và yêu cầu Ngân hàng phải trả lại cho tôi theo quy định của pháp luật về thừa kế”.*

Tại phần xét thấy trong Phát biểu số 79/PB-VKS-DS ngày 28/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình thể hiện: *“Các bên thống nhất di sản của ông S gồm: căn nhà tại chỉ 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, 6,960,94 USD, 300 chỉ vàng… cho nên, yêu cầu xác định nguyên đơn là mẹ nuôi và thuộc hàng thừa kế thứ nhất và hưởng toàn bộ di sản của ông S là có cơ sở chấp nhận…”.*

Trong phần nhận định (tại trang số 9) bản án dân sự sơ thẩm đã nhận định: *“... Có đủ căn cứ để xác định bà Nguyễn Thị M là mẹ nuôi của ông Nguyễn Xuân S, là người thừa kế theo pháp luật và là hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Xuân S theo quy định tại khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005. Như vậy, việc bà M yêu cầu được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của ông Nguyễn Xuân S là có cơ sở cần được xem xét… Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Tòa án nhân dân Quận Tân Bình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; Công nhận bà M là người thừa kế theo pháp luật những người liên quan có trách nhiệm bàn giao di sản của ông S cho bà M gồm: Căn nhà nêu trên, 300 chỉ vàng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về số tiền 6000 USD”.*

Tòa sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 674, 675,676, và 678 Bộ luật dân sự năm 2005 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là đúng pháp luật. Căn cứ vào sổ hộ khẩu và lời trình bày của ông D thì bà T2 là vợ cùng các con của ông D và bà T2 đang cư trú tại căn nhà tại chỉ 25/35/4 CL, Phường H, quận TB nhưng cấp sơ thẩm chỉ buộc ông D có trách nhiệm giao trả căn nhà trên cho bà M là không đúng. Thấy, trong phần quyết định của bản án không tuyên cụ thể các yêu cầu khởi kiện của bà M là thiếu sót.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Xét, Tòa cấp sơ thẩm đã hoàn trả lại các khoản tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà M là đúng, nhưng Tòa cấp sơ thẩm không phân tích, không nêu lý do bà tại sao bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trong trường hợp này Tòa cấp sơ thẩm phải căn cứ vào khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội để xác định bà M là người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị di sản thừa kế được hưởng và căn cứ vào Điều 2, điểm e khoản 1 Điều 3 Luật người cao tuổi năm và đơn xin miễn án phí

của bà M để xác định và quyết định bà M thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Về vấn đề này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Xét, ngoài yêu cầu khởi kiện về thừa kế, bà M còn khởi kiện yêu cầu hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế, hủy hồ sơ đăng ký biến động. Các yêu cầu này đều được Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận nhưng chỉ buộc ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng là chưa chính xác.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên:

Thấy, nội dung Quyết định kháng nghị số 32/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, các sai sót này không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà M. Căn cứ vào Điều 309 Hội đồng xét xử xét cần phải sửa một phần án sơ thẩm theo hướng:

Xác định Bà Nguyễn Thị M là mẹ nuôi là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất và duy nhất của ông Nguyễn Xuân S;

Xác định di sản của ông Nguyễn Xuân S để lại bao gồm:

Căn nhà đất số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh và 319 chỉ vàng SJC (Ba trăm mười chín chỉ vàng) là tài khoản giữ hộ vàng của ông Nguyễn Xuân S theo chứng chỉ huy động vàng số 187582 và chứng chỉ huy động vàng số 202942 tại SCB Tân Bình.

Bà Nguyễn Thị M được thừa kế các di sản nêu trên của ông Nguyễn Xuân S.

Buộc ông D và bà Thúy cùng những người có liên quan phải giao trả căn nhà nêu trên cho bà M ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Xét, trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, phía bị đơn ông D không có yêu cầu phản tố về việc tính công sức trong việc bảo quản di sản theo quy định tại Điều 683 Bộ luật dân sự năm 2005. Nhưng tại phiên Tòa phúc thẩm phía nguyên đơn đã tự nguyện chi trả 400.000.000 đồng tiền công sức bảo quản di sản của ông S là căn nhà và đất số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông D ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Thấy, sự tự nguyện này không trái luật mà còn nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông D nên ghi nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà M là người cao tuổi nên bà M được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả bà M các khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.000 đồng.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông D không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 148, 227, 228, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2, điểm e khoản 1 Điều 3 Luật người cao tuổi;

Căn cứ khoản 2, khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn D.

2. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 32/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/5/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm 189/2019/DS - ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trả lại 6.960,94 USD là tài sản của ông Nguyễn Xuân S.

5. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

5.1. Xác định bà Nguyễn Thị M là mẹ nuôi và là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất và duy nhất của ông Nguyễn Xuân S;

5.2. Xác định di sản của ông Nguyễn Xuân Sđể lại bao gồm:

Căn nhà đất số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 1069/2002 ngày 16/5/2002 do Ủy ban nhân dân Quận Tân Bình cấp và 319 chỉ vàng SJC (Ba trăm mười chín chỉ vàng) là tài khoản giữ hộ vàng của ông Nguyễn Xuân S theo chứng chỉ huy động vàng số 187582 và chứng chỉ huy động vàng số 202942 tại SCB Tân Bình.

5.3. Bà Nguyễn Thị M được thừa kế các di sản của ông Nguyễn Xuân S để lại là Căn nhà đất số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 1069/2002 ngày 16/5/2002 do Ủy ban nhân dân Quận Tân Bình cấp, và 319 chỉ vàng SJC (Ba trăm mười chín chỉ vàng) là tài khoản giữ hộ vàng của ông Nguyễn Xuân S theo chứng chỉ huy động vàng số 187582 và chứng chỉ huy động vàng số 202942 tại SCB Tân Bình.

5.4. Hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với nhà đất số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 029546, quyển số 7 ngày 27/7/2012.

5.5. Hủy hồ sơ đăng ký biến động số 3677/2012 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật ngày

16/10/2012 tại mục III của Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 1069/2002 ngày 16/5/2002.

5.6. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị T2 cùng những người liên quan có trách nhiệm giao trả căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị M ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

5.7. Buộc Ngân hàng TMCP SCB có trách nhiệm trả lại 319 chỉ vàng SJC (Ba trăm mười chín chỉ vàng) là tài khoản giữ hộ vàng của ông Nguyễn Xuân S theo chứng chỉ huy động vàng số 187582 và chứng chỉ huy động vàng số 202942 tại SCB Tân Bình cho bà Nguyễn Thị M ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị M về việc trả cho ông D 400.000.000 đồng tiền công sức bảo quản di sản là căn nhà số 25/35/4 CL, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

7. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 01544 ngày 04/01/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 07124 ngày 23/8/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.409.185đ (Hai mươi bốn triệu bốn trăm lẻ chín ngàn một trăm tám mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 05022 ngày 24/6/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông D số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã đóng 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0038592 ngày 10/6/2019 do Chi cục Thi hành án quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THA quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thủy